

KHO BẠC NHÀ NƯỚC  
KHO BẠC NHÀ NƯỚC NINH THUẬN

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ CÁC NĂM TRƯỚC KÉO DÀI ĐẾN HẾT NGÀY 31/01/2023  
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

1	2	Kế hoạch vốn giao trong năm 2022	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn năm 2018, 2019 kéo dài	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5=4/3	6	7	8=7/6
	<b>TỔNG SỐ (A+B+C)</b>	<b>3.430.574</b>	<b>2.899.001</b>	<b>85%</b>	<b>272.127</b>	<b>198.328</b>	<b>73%</b>
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>129.764</b>	<b>106.685</b>	<b>82%</b>	<b>89.548</b>	<b>89.548</b>	<b>100%</b>
1	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	15.000	9.385	63%	2	2	100%
2	BQLDA ĐTXD thủy lợi 7	79.000	62.643	79%	89.547	89.547	100%
3	UBND huyện Thuận Nam	880	771	88%			
4	Tòa án nhân dân tỉnh	5.757	5.342	93%			
5	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố PRTC	123	119	96%			
6	UBND huyện Ninh Sơn	11.245	10.952	97%			
7	Công an tỉnh	1.448	1.423	98%			
8	BQLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10.400	10.140	98%			
9	UBND huyện Ninh Phước	1.435	1.435	100%			
10	UBND huyện Thuận Bắc	4.476	4.476	100%			
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH TỈNH (B.1+B.2)</b>	<b>2.546.281</b>	<b>2.141.004</b>	<b>84%</b>	<b>172.501</b>	<b>98.943</b>	<b>57%</b>
<b>B.1</b>	<b>NHÓM BQLDA CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>2.212.752</b>	<b>1.843.957</b>	<b>83%</b>	<b>172.501</b>	<b>98.943</b>	<b>57%</b>
1	BQLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	303.721	171.574	56%	172.501	98.943	57%
2	Ban xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	849.143	612.495	72%			
3	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông	805.563	805.563	100%			
4	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	254.325	254.325	100%			
<b>B.2</b>	<b>NHÓM CHỦ ĐẦU TƯ LÀ SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>333.529</b>	<b>297.048</b>	<b>89%</b>			
1	BQLDA Tam nông giai đoạn 2 (Ifad)	100		0%			



		Kế hoạch vốn giao trong năm 2022	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn năm 2018, 2019 kéo dài	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
2	Trường Cao đẳng Nghề	15.366	556	4%			
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 7927262 - Đầu tư và phát triển Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận thành Trường chất lượng cao đến năm 2025</i>	15.366	556	4%			
3	BQLDA SACCR	17.300	3.318	19%			
4	Văn phòng Tỉnh ủy	350	143	41%			
5	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.715	1.117	65%			
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 7995429 - Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu</i>	595		0%			
6	Vườn quốc gia Núi Chúa	1.059	980	92%			
7	BQLDA JICA	450	421	93%			
8	Sở Y tế	29.778	27.846	94%			
9	Đài Phát thanh - Truyền hình	35.299	33.590	95%			
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 7992189 - Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất chương trình Phát thanh, Truyền hình Tiếng dân tộc - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận</i>	31.419	31.419	100%			
10	Trường Trung cấp Y tế	6.500	6.156	95%			
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 7900238 - Nâng cấp, mở rộng Trường Trung cấp Y tế</i>	4.600	4.600	100%			
11	BQL Khai thác cảng cá	341	328	96%			
12	Chi cục thủy lợi	66.488	64.812	97%			
13	Sở Thông tin và Truyền thông	300	292	97%			
14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2.304	2.275	99%			
15	BCH Quân sự tỉnh	51.900	50.968	99%			
16	Công an tỉnh	12.680	12.679	100%			
17	BCH Bộ đội Biên phòng	15.000	15.000	100%			
18	Sở Giao thông - Vận tải	9.454	9.454	100%			

		Kế hoạch vốn giao trong năm 2022	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn năm 2018, 2019 kéo dài	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	623	594	96%			
20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5.733	5.733	100%			
21	Tỉnh Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	1.347	1.347	100%			
22	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	38.845	38.845	100%			
23	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.967	3.967	100%			
24	Chi cục phát triển nông thôn	520	520	100%			
25	Bệnh viện đa khoa tỉnh	100	100	100%			
26	Công ty TNHH Nhật Thành Food (Doanh nghiệp tư nhân)	2.000	2.000	100%			
27	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	10.000	10.000	100%			
28	Công ty cổ phần Cấp nước	3.064	3.064	100%			
29	Vườn quốc gia Phước Bình	780	779	100%			
30	Trường chính trị	166	166	100%			
<b>C</b>	<b>NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ PHAN RANG THÁP CHÀM</b>	<b>111.902</b>	<b>111.139</b>	<b>99%</b>			
1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	140	22	16%			
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 7995939 - Đầu tư trang thiết bị CNTT để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và XD các cơ sở dữ liệu.</i>	120	22	18%			
2	Phòng Tài nguyên và Môi trường	257	255	99%			
3	BQLDA ĐTXD thành phố Phan Rang Tháp Chàm	102.961	102.329	99%			
4	Phòng Quản lý đô thị	4.030	4.030	100%			
5	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	370	370	100%			
6	Tổng hợp ngân sách xã	4.144	4.133	100%			
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 7990684 - Đường giao thông nội thôn, nội đồng Xã Thành Hải</i>	810	810	100%			
<b>D</b>	<b>NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>642.627</b>	<b>540.174</b>	<b>80%</b>	<b>10.078</b>	<b>9.837</b>	<b>98%</b>
1	THUẬN BẮC	107.725	85.428	79%	300	125	42%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	31.211	17.697	57%			
2	NINH PHƯỚC	66.016	52.983	80%	5.759	5.758	100%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	6.615	6.501	98%			